TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 6 - 2018
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức C kết hôn với nhau ngày 25/11/2004, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh C ở thôn Q, xã T, huyện V. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm sống anh C chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con. Ngoài ra anh C cho rằng cháu Nguyễn Thị Diệu L không phải là con chung của anh chị từ đó càng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 26/9/2005 (hiện nay cháu đang ở cùng với anh C). Ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức C trình bày như sau: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn như chị D trình bày là đúng, anh không bổ sung gì thêm. Nay chị D xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh và chị D về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, khi đoàn tụ anh sẽ sửa chữa toàn bộ những sai lầm mà anh đã gây ra cho chị.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 26/9/2005 (hiện nay cháu đang ở cùng với anh). Anh không đồng ý ly hôn, vẫn mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái do vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị D đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh C trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh C có mặt, sau đó khi Tòa án mở

phiên tòa đã triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không đến phiên tòa do vậy anh C phải tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Mặc dù giữa chị D và anh C có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, chị D vẫn ở chung nhà với gia đình anh C, do đó để tạo điều kiện cho chị D anh C về đoàn tụ, nuôi dạy con cái đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn xin ly hôn của chị D. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh C, đồng thời yêu cầu giải quyết phân chia nuôi con chung bị đơn anh C hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn Q, xã T, huyện V, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường. Đối với anh C Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị D và anh C kết hôn ngày 25/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị D trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình ngoài ra anh C cho rằng cháu Nguyễn Thị Diệu L không phải là con chung của anh chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn trầm trọng. Anh C thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân như chị D trình bày, tuy nhiên anh xác định vẫn còn tình cảm với chị D do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh và chị D về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, sau khi đoàn tụ anh sẽ sửa chữa toàn bộ những sai lầm mà anh đã gây ra cho chị. Mặc dù quá trình chuẩn bị xét xử anh C xin được đoàn tụ, tuy nhiên khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án anh C đều vắng mặt không có lý do, không đến phiên tòa trình bày quan điểm về việc xin đoàn tụ cũng như biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ việc anh C xin đoàn tụ là không tự nguyện, thực tâm, trong khi đó tại phiên tòa chị D trình bày vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, chị không còn tình cảm và cương quyết xin ly hôn anh C. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh C đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị D xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc bác đơn xin ly hôn của chị D không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 26/9/2005. Ly hôn, chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C xin được đoàn tụ không yêu cầu giải quyết về con chung đồng thời vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy chị D có việc làm, có thu nhập cũng như có chỗ ở ổn định đủ điều kiện nuôi con, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị D về việc chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh C không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

2. Về nuôi con chung: Chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 26/9/2005 (Hiện cháu L đang ở với anh C); anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0003661 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh T;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng